

Số: 1172/2018/KDTM-ST

Ngày: 31-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Hà Minh

2. Bà Lê Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 19/2018/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2018/QĐXXST-KDTM ngày 28/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2018/QĐST-KDTM ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A.

Địa chỉ: Đường P, phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc T, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2018) (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần L

Địa chỉ: Đường R, Phường S, quận Q, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lâm Tài A, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/10/2018) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2017 của Công ty TNHH A và quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Ngọc T là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là Công ty A) đã cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần L (sau đây gọi tắt là “Công ty L”) theo các hợp đồng số 228A/2013/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/7/2013 về việc cung cấp dịch vụ NDT cho

bồn cầu UFC 85 cho dự án nhà máy Đạm Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ I – Huyện Tân Thành – Bà Rịa Vũng Tàu; hợp đồng số 343a/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014 về việc xử lý nhiệt môi hàn cho dự án Formosa Hà Tĩnh tại KCN Formosa – Kỳ Liên – Kỳ Anh – Hà Tĩnh; hợp đồng số 169/2017/HĐKT/L 16M&C-TTA, ngày 11/4/2017 về việc cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy (NDT) tại xã Lê Minh Xuân – Bình Chánh – TP.HCM cho công trình kho dự trữ Chiến lược Công an Thành Phố và hóa đơn ngày 14/3/2017 về việc dịch vụ kiểm tra không phá hủy cho dự án Sửa chữa bồn nước chữa cháy 500M3 – Nhà máy điện VSIP theo báo giá số TTA/50A/2016 ngày 23/8/2016 và báo giá số TTA/365/2016 ngày 18/6/2016.

Ngày 24/4/2017, Công ty L xác nhận còn nợ Công ty A với số tiền: 1.355.348.060 đồng và cam kết trả trong 04 tháng bắt đầu trả từ tháng 05/2017 và kết thúc vào tháng 08/2017, mỗi tháng sẽ trả 338.837.015 đồng. Dù đã cam kết như vậy, nhưng đến ngày 08/8/2017 Công ty L thanh toán số tiền 126.826.400 đồng, dứt công nợ đối với hợp đồng số 228A/2013/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/7/2013 về việc cung cấp dịch vụ NDT cho bồn cầu UFC 85 cho dự án nhà máy Đạm Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ I – Huyện Tân Thành – Bà Rịa Vũng Tàu; ngày 22/5/2017 Công ty L thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 69.121.500 đồng cho hợp đồng số 169/2017/HĐKT/L 16M&C-TTA, ngày 11/4/2017 về việc cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy (NDT) tại xã Lê Minh Xuân – Bình Chánh – TP.HCM cho công trình kho dự trữ Chiến lược Công an Thành Phố. Đến ngày 30/11/2017 hai bên xác nhận công nợ thì Công ty L còn nợ Công ty A với số tiền là: 1.343.118.560 đồng của hợp đồng số 343A/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014 và hóa đơn ngày 14/3/2017 cho Sửa chữa bồn nước chữa cháy 500M3 – Nhà máy điện VSIP theo báo giá số TTA/50A/2016 ngày 23/8/2016 và báo giá số TTA/365/2016 ngày 18/6/2016 sau khi đã trừ 20.094.500 đồng tiền tạm ứng dự của hợp đồng 169/2017/HĐKT/L16M&C-CTTA ngày 11/4/2017.

Ngày 09/01/2018, Công ty L có chi trả cho Công ty A số tiền 100.000.000 đồng cho hợp đồng 343A/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014, vậy Công ty L còn nợ Công ty A là 1.243.118.560 đồng đối với hợp đồng số 343A/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014 của dự án Formosa và hóa đơn ngày 14/3/2017 cho dự án Sửa chữa bồn nước chữa cháy 500M3 – Nhà máy điện VSIP theo báo giá số TTA/50A/2016 ngày 23/8/2016 và báo giá số TTA/365/2016 ngày 18/6/2016.

Việc Công ty L trì hoãn thanh toán trong thời gian dài đã gây ra cho Công ty A nhiều khó khăn và thiệt hại, nên nguyên đơn Công ty TNHH A yêu cầu Tòa án buộc Công ty L trả cho Công ty TNHH A số tiền 1.243.118.560 (*Một tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm mười tám ngàn năm trăm sáu mươi*) đồng là công nợ của hóa đơn ngày 14/3/2017 cho dự án Sửa chữa bồn nước chữa cháy 500M3 – Nhà máy điện VSIP theo báo giá số TTA/50A/2016 ngày 23/8/2016 và báo giá số TTA/365/2016 ngày 18/6/2016 và hợp đồng số 343A/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014 của dự án Formosa.

Ngày 17/10/2018 bị đơn Công ty L cử đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng và xác nhận Công ty L còn nợ Công ty A số tiền 1.243.118.560 (*Một tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm mười tám ngàn năm trăm sáu mươi*) của hợp đồng số 343A/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014 và xin thanh toán hết công nợ thành nhiều đợt, mỗi tháng từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Công ty A đồng ý dồn phần công nợ theo hóa đơn ngày 14/3/2017 của dự án Sửa chữa bồn nước chữa cháy 500M3 – Nhà máy điện VSIP theo báo giá số TTA/50A/2016 ngày 23/8/2016 và báo giá số TTA/365/2016 ngày 18/6/2016 vào hợp đồng số 343A/2014/L16.M-

TTA/HĐKT ngày 01/8/2014 nhưng không đồng ý với phương án trả nợ của Công ty L mà yêu cầu Công ty L trả một lần và không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty TNHH A khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ đối với bị đơn Công ty CP L có địa chỉ kinh doanh tại Đường R, Phường S, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn Công ty CP L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ biên bản xác nhận công nợ thì ngày 30/11/2017 Công ty L còn nợ Công ty A với số tiền là: 1.343.118.560 đồng của hợp đồng số 343A/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014 và hóa đơn ngày 14/3/2017 cho Sửa chữa bồn nước chữa cháy 500M3 – Nhà máy điện VSIP theo báo giá số TTA/50A/2016 ngày 23/8/2016 và báo giá số TTA/365/2016 ngày 18/6/2016 sau khi đã trừ 20.094.500 đồng tiền tạm ứng dư của hợp đồng 169/2017/HĐKT/L16M&C-CTTA ngày 11/4/2017. Ngày 09/01/2018, Công ty L chỉ trả cho Công ty A số tiền 100.000.000 đồng cho hợp đồng 343A/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014, vậy Công ty L còn nợ lại Công ty A là 1.243.118.560 đồng và từ đó đến nay Công ty L không thanh toán cho Công ty A nữa. Ngày 17/10/2018 đại diện theo ủy quyền của Công ty L thừa nhận Công ty L còn nợ Công ty A số tiền 1.243.118.560 (*Một tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm mười tám ngàn năm trăm sáu mươi*) đồng của hợp đồng số 343A/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014 và đại diện của Công ty A đồng ý dôn phần công nợ của hóa đơn ngày 14/3/2017 của dự án Sửa chữa bồn nước chữa cháy 500M3 – Nhà máy điện VSIP theo báo giá số TTA/50A/2016 ngày 23/8/2016 và báo giá số TTA/365/2016 ngày 18/6/2016 vào hợp đồng số 343A/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014, nhưng Công ty L vì đang khó khăn nên xin thanh toán hết công nợ thành nhiều đợt, mỗi tháng từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Việc Công ty L trì hoãn việc thanh toán công nợ cho Công ty A đã xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty A. Do đó, Công ty Trung Tín Á yêu cầu Công ty L thanh toán số tiền

1.243.118.560 (*Một tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm mười tám ngàn năm trăm sáu mươi*) đồng của hợp đồng số 343A/2014/L16.M-TTA/HĐKT ngày 01/8/2014 một lần ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật, là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Ghi nhận việc Công ty TNHH A không yêu cầu Công ty CP L trả lãi chậm thanh toán.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Công ty CP L phải chịu án phí sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 85, 87 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Công ty TNHH A:

Buộc Công ty CP L phải thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền 1.243.118.560 (*Một tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm mười tám ngàn năm trăm sáu mươi*) đồng.

Thi hành một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Công ty CP L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 49.293.556 (*Bốn mươi chín triệu hai trăm chín mươi ba ngàn năm trăm năm mươi sáu*) đồng.

- Công ty TNHH A không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.147.000 (*Hai mươi sáu triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 09366 ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Công ty TNHH A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty CP L không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng Công ty CP L còn phải trả tiền lãi cho Công ty TNHH A trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út